SAO Y Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan:
Thời gian ký: 16.09.2025 03:57:22 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1317/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tích nước các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-BNNMT ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tăng cường công tác đảm bảo an toàn công trình đê điều, thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội động Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước (cũ);

Căn cứ Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cũ);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-SoNNMT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định tích nước các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025 để phục vụ sản xuất, sinh hoạt của địa phương (*Đính kèm danh mục các hồ chứa nước*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh; tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các phường, xã có hồ chứa nước thủy lợi thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động, công tác đảm bảo an toàn đập, hồ chứa trên địa bàn để phối hợp, kịp thời chỉ đạo xử lý.

3. Các đơn vị quản lý, khai thác, vận hành đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức vận hành công trình theo ý kiến thống nhất, kiến

nghị của Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (tại Báo cáo số 18/BC-HĐTV ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Báo cáo số 01/BC-SoNNMT ngày 02 tháng 7 năm 2025 về kết quả kiểm tra, họp Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025). Chủ động báo cáo, kịp thời đề xuất xử lý các nội dung yêu cầu về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước về Sở Nông nghiệp và Môi trường - Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân các phường, xã có hồ chứa nước thủy lợi để tổng hợp, xử lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Hội đồng Tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước; Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Hội Thủy lợi tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã có hồ chứa nước thủy lợi; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai; Giám đốc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập; Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh; các đơn vị được giao quản lý khai thác hồ chứa nước thủy lợi và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Hoàng);
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Qdtichnuoc/5.9-929)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hoàng

DANH MỤC CÁC HỒ CHỨA THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên hồ chứa nước	Địa điểm	Các thông số kỹ thuật cơ bản									Đơn vị quản lý
			Mực nước dâng gia cường (m)	Mực nước dâng bình thường (m)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng gia cường (triệu m^3)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng bình thường (triệu m^3)	Cao trình đỉnh đập (+)	Chiều dài đập (m)	Chiều cao đập (m)	Kích thước cống lấy nước (m)	Kích thước tràn xả lũ (m)	
1	Hồ Đa Tôn	Xã Phú Lâm	134,53	133,44	23,82	19,76	135,54	1.300	12,60	1x1,2	22,00	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai
2	Hồ Sông Mây	Xã Bình Minh	25,66	24,50	17,22	13,75	26,80	800	14,00	1x1,2	39,00	
3	Hồ Gia Ui	Xã Xuân Hòa	120,35	118,59	16,31	11,27	121,68	1.800	17,29	0,8x1	17,00	
4	Hồ Cầu Mới tuyến VI	Xã Long Phước	89,49	87,63	27,84	22,15	92,00	930	29,00	1,2x1,4	54,60	
5	Hồ Cầu Mới tuyến V	Xã Xuân Đường	74,89	73,00	12,58	8,59	77,20	1.361	19,50	1x1,2	50,00	
6	Hồ Suối Vọng	Xã Xuân Định	182,83	182,20	4,83	4,35	183,60	589	19,00	1x1,2	80,00	
7	Hồ Núi Le	Xã Xuân Lộc	135,85	134,75	4,78	3,54	136,50	575	12,50	1,2x1,3	17,00	
8	Hồ Gia Măng	Xã Xuân Lộc	122,80	121,75	5,53	4,01	124,50	975	14,50	0,8x1	6,00	
9	Hồ Bà Long	Phường Hố Nai	30,66	29,80	1,45	1,22	31,60	329	12,50	0,30	13,00	
10	Hồ Lộc An	Xã Long Thành	22,96	20,93	1,64	0,64	23,60	320	7,40	1,2x1,4	20,00	
11	Hồ Cầu Dầu	Phường Hàng Gòn	212,35	211,26	5,21	3,76	214,00	522	9,00	0,8x1	10,00	
12	Hồ Suối Tre 1	Phường Bình Lộc	173,21	170,00	1,10	0,64	174,50	358	16,50	0,80	5,00	
13	Hồ Suối Tre 2	Phường Bình Lộc	169,79	168,31	2,24	1,78	171,00	1.109	23,60	0,8x1,2	10,00	
14	Hồ Suối Giai	xã Đồng Phú	63,10	62,00		21,10	64,78	850	15,50	0,40	6,00	
15	Hồ Đồng Xoài	Xã Thuận Lợi	67,18	66,10		9,66	96,20	1.740	11,00	0,60	12,00	
16	Hồ Tân Hưng	Xã Tân Lợi	98,37	96,20		0,97	99,50	139	18,73	0,40	50,00	

TT	Tên hồ chứa nước	Địa điểm	Các thông số kỹ thuật cơ bản									Đơn vị quản lý
			Mực nước dâng gia cường (m)	Mực nước dâng bình thường (m)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng gia cường (triệu m^3)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng bình thường (triệu m^3)	Cao trình đỉnh đập (+)	Chiều dài đập (m)	Chiều cao đập (m)	Kích thước cống lấy nước (m)	Kích thước tràn xả lũ (m)	
17	Hồ Tân Hòa	Xã Tân Lợi	79,29	77,55		2,36	80,00	350	12,80	0,40	50,00	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai
18	Hồ Tân Lợi	Xã Đồng Phú	67,18	66,10		2,87	68,00	133	10,00	0,40	6,00	
19	Hồ Suối Binh	Xã Đồng Tâm	114,01	112,71		1,51	115,00	353	11,00	0,40	8,00	
20	Hồ Bù Tam	Xã Hưng Phước	126,47	125,34		2,66	127,30	539	10,90	0,80	9,00	
21	Hồ M26	Xã Hưng Phước	349,17	348,80		0,21	350,20	290	5,30	0,40	12,00	
22	Hồ Sa Cát	Phường Bình Long	74,65	73,50		1,33	75,60	345	10,00	0,40	8,00	
23	Hồ Rừng Cấm	Xã Lộc Tấn	123,30	122,10		2,07	124,50	201	16,00	0,40	6,00	
24	Hồ Lộc Thạnh	Xã Lộc Thạnh	120,16	118,88		2,96	121,50	406	16,00	0,40	40,00	
25	Hồ Lộc Quang	Xã Lộc Quang	97,70	96,20		5,83	98,35	518	12,50	0,40	6,00	
26	Hồ Tà Te	Xã Lộc Thành	97,70	96,20		0,76	98,35	518	10,00	0,40		
27	Hồ Bù Nâu	Xã Lộc Ninh	96,05	94,15		0,61	96,70	306	8,10	0,40	8,00	
28	Hồ Bù Kal	Xã Tân Tiến	88,63	86,60		0,62	89,60	400	13,60	0,40	8,00	
29	HTTL Bù Ka	Xã Tân Tiến	104,52	103,70		0,29	105,30	284	9,10	60x60	11,90	
30	Hồ Suối Nuy	Xã Lộc Thành	86,07	83,98		0,64	87,00	348	10,20	0,40	12,00	
31	HTTL Tà Thiết	Xã Lộc Thành	63,40	62,60		1,15	64,20	490	7,20	0,40	8,00	
32	Hồ Suối Phèn	Xã Lộc Hưng	299,82	299,00		0,22	300,50	151	9,84	0,40	10,00	
33	Hồ Bàu Úm	Xã Tân Khai	74,82	74,25		1,58	75,95	967	11,40	0,40	6,00	
34	Hồ Suối Láp	Xã Tân Khai	47,60	45,90		1,13	48,60	326	10,90	Không có cống	16,00	
35	Hồ Suối Ông	Xã Tân Khai	68,04	67,30		0,39	68,50	294	6,60	0,40	4,00	

TT	Tên hồ chứa nước	Địa điểm	Các thông số kỹ thuật cơ bản									Đơn vị quản lý
			Mực nước dâng gia cường (m)	Mực nước dâng bình thường (m)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng gia cường (triệu m^3)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng bình thường (triệu m^3)	Cao trình đỉnh đập (+)	Chiều dài đập (m)	Chiều cao đập (m)	Kích thước cống lấy nước (m)	Kích thước tràn xả lũ (m)	
36	Hồ An Khương	Xã Tân Hưng	86,90	86,40		2,60	75,30	732	12,40	0,40	12,00	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Đồng Nai
37	Hồ Ba Veng	Xã Minh Đức	30,20	28,18		0,87	31,00	332	10,00	0,40	35,00	
38	Hồ Suối Lai	Xã Tân Quan	61,10	60,30		0,44	51,60	220	7,50	0,40	8,00	
39	Hồ Sơn Lợi	Xã Thọ Sơn	428,64	427,67		0,76	430,00	214	16,00	0,40	8,00	
40	Hồ Thọ Sơn	Xã Thọ Sơn	422,87	421,60		0,96	423,70	203	14,40	0,40	4,00	
41	Hồ Đa Bông Cua	Xã Phước Sơn	327,20	326,50		0,23	328,00	107	14,80	0,40	5,00	
42	Hồ Ông Thoại	Xã Nghĩa Trung	226,70	225,53		1,77	228,00	204	12,40	0,40	12,00	
43	Hồ Đaou 2	Xã Nghĩa Trung	249,56	247,74		0,83	250,10	215	13,10	0,80	9,00	
44	Hồ Đa Bo	Xã Thọ Sơn	364,79	364,00		0,57	366,00	163	14,00	0,40		
45	Hồ Bù Môn	Xã Bù Đăng	255,32	257,10		0,15	259,50	73	5,00	0,30	40,00	
46	Hồ Hưng Phú	Xã Bù Đăng	257,17	256,49		1,17	258,15	104	8,00	0,40	4,00	
47	Hồ Đăk Liên	Xã Đăk Nhau	393,50	392,26		0,43	394,40	309	11,40	0,40	8,00	
48	Hồ Bra Măng	Xã Bù Đăng	271,00	270,00		0,88	272,00	246	9,00	Cống hộp	14,00	
49	Hồ Sơn Hiệp	Xã Thọ Sơn	374,00	373,70		0,27	375,50	371	8,50	0,40	6,00	
50	Hồ NT9	Xã Long Hà	92,70	91,60		1,97	95,50	375	23,00	0,40	7,00	
51	Hồ NT4	Xã Bình Tân	125,50	124,30		2,62	128,00	484	13,00	0,40	20,00	
52	Hồ NT6	Xã Long Hà	96,87	95,50		2,75	98,50	240	11,00	0,40	20,00	
53	Hồ NT 8	Xã Bình Tân	155,10	152,60		1,30	157,00	220	11,00	0,40	15,00	
54	Hồ Bàu Thôn	Xã Bình Tân	140,70	139,50		0,43	97,18	187	12,00	0,40	4,00	
55	Hồ Bàu Sen	Xã Bình Tân	96,38	95,56		0,51	97,18	206	7,00	0,40		

TT	Tên hồ chứa nước	Địa điểm	Các thông số kỹ thuật cơ bản									Đơn vị quản lý
			Mực nước dâng gia cường (m)	Mực nước dâng bình thường (m)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng gia cường (triệu m^3)	Dung tích hồ ứng với mực nước dâng bình thường (triệu m^3)	Cao trình đỉnh đập (+)	Chiều dài đập (m)	Chiều cao đập (m)	Kích thước cống lấy nước (m)	Kích thước tràn xả lũ (m)	
56	Hồ NT10	Xã Phú Riềng	87,95	86,29		0,20	89,00	193	9,50	0,30	20,00	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai
57	Hồ Đ.7 NT2	Xã Đa Kia	119,90	119,20		1,74	121,00	276	11,00	0,40	5,00	
58	Hồ Bình Hà 1	Xã Đa Kia	136,60	135,60		0,95	137,50	295	10,00	0,40	8,00	
59	Hồ Thôn 6 Khắc Khoan	Xã Phú Nghĩa	208,50	207,00		1,67	209,50	215	11,00	0,80	20,00	
60	Hồ Phú Sơn	Xã Thọ Sơn	530,31	529,53		0,39	531,50	175	7,00	0,40	3,00	
61	Hồ Bà Hào	Xã Trị An	65,74	64,39	19,17	13,36	66,82	1.050	9,00	1,5x1,2	12,00	Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai
62	Hồ Giao Thông	Xã Sông Ray	110,65	110,25	0,47	0,36	111,25	250	5,00	0,5x0,6	3,00	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh
63	Hồ Suối Đôi	Xã Sông Ray	143,01	141,92	1,40	1,11	143,60	350	12,00	0,8x10	7,50	
64	Hồ Mo Nang	Xã Tân An	33,41	32,10	1,17	0,88	34,17	127	13,70	0,60	3,00	
65	Hồ Thanh Niên	Phường Hố Nai	50,20	49,70		0,60	51,00	200	11,35	0,30	5,60	
66	Hồ Suối Mít	Xã Bù Gia Mập	520,77	520,00		0,05	520,70	89	6,20	0,20	20,00	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
67	Hồ Đăk Côn 1	Xã Bù Gia Mập	361,41	360,50		0,03	361,90	112	5,00	2x(1x1)	50,00	
68	Hồ Hoa Mai	Xã Bù Gia Mập	197,88	196,74		0,30	199,00	90	14,50	0,30	15,00	
69	Hồ Suối Cam 1	Phường Bình Phước	75,90	75,20		1,77	77,00	270	10,90	0,40	4,00	UBND phường Bình Phước
70	Hồ Suối Cam 2	Phường Bình Phước	68,26	66,00		0,33	69,00	232	10,00	0,40	12,00	UBND phường Bình Phước
71	Hồ Đăk Tol	Phường Phước Long	146,00	145,00		0,51	146,70	215	9,00	0,40	6,00	UBND phường Phước Long